

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2020

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

#### 1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

**Tên trường** : Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn, Đại học Đà Nẵng

**Mã tuyển sinh:** VKU

**Địa chỉ:** Đô thị Đại học Đà Nẵng, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

**Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường:** <http://vku.udn.vn>

**Địa chỉ trang tuyển sinh của trường:** <http://tuyensinh.vku.udn.vn>

**Email:** tuyensinh@vku.udn.vn

**Điện thoại:** 0236.6552688/0236.3667131 **Fax:** 0236.3667116

#### **Sứ mệnh của trường:**

Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn là trường đại học công lập thành viên của Đại học Đà Nẵng, được thành lập theo Quyết định số 15/QĐ-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. Trường là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, phục vụ cộng đồng về các lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông và các lĩnh vực liên quan theo mô hình đại học định hướng ứng dụng, trường học thông minh, hiện đại với phương thức quản trị tiên tiến nhằm đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, có bản lĩnh, lập trường và thích nghi nhanh chóng với môi trường lao động trong nước và quốc tế đang thay đổi nhanh chóng.

Là đơn vị đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu về công nghệ thông tin và truyền thông thuộc Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn luôn xác định rõ sứ mệnh và trách nhiệm của mình trong việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, có tinh thần nhân văn và tư duy sáng tạo nhằm phục vụ nhu cầu tuyển dụng rất lớn hiện nay. Sứ mạng của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn là đào tạo nguồn nhân lực đại học có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao, giỏi chuyên môn, năng động, tài năng và sáng tạo phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã và đang diễn ra rất mạnh mẽ. Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn cung cấp các chương trình học đại học hiện đại, cập nhật và đáp ứng nhu cầu xã hội hiện nay, gồm các ngành: Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Quản trị kinh doanh.



TT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
1.2.1	Công nghệ thông tin					272			

### 3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

#### 3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Thực hiện quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2018 và năm 2019, Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông đã thực hiện xét tuyển theo 2 phương thức: dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia và dựa vào kết quả học tập THPT.

#### 3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Khối ngành/Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm 2018			Năm 2019		
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
Khối ngành I						
Khối ngành II						
Khối ngành III	<b>55</b>	<b>54</b>		<b>40</b>	<b>37</b>	
Ngành Quản trị kinh doanh	55	54	16	40	37	18.75
<i>Tổ hợp A00: Toán, Vật lí, Hóa học</i>		27			17	
<i>Tổ hợp A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh</i>		7			5	
<i>Tổ hợp D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh</i>		20			15	
<i>Tổ hợp D90: Toán, KHTN, Tiếng Anh</i>		0			0	
Khối ngành IV						
Khối ngành V	<b>295</b>	<b>231</b>		<b>310</b>	<b>242</b>	
Ngành Công nghệ thông tin	170	169	17	130	170	19.75
<i>Tổ hợp A00: Toán, Vật lí, Hóa học</i>		100			98	
<i>Tổ hợp A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh</i>		35			44	
<i>Tổ hợp D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh</i>		34			27	
<i>Tổ hợp D90: Toán, KHTN, Tiếng Anh</i>		0			1	
Ngành Công nghệ thông tin (Hợp tác doanh nghiệp)	70	41	16.55	140	51	16.15
<i>Tổ hợp A00: Toán, Vật lí, Hóa học</i>						
<i>Tổ hợp A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh</i>		30			26	
<i>Tổ hợp D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh</i>		3			11	

Khối ngành/Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm 2018			Năm 2019		
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
<i>Tổ hợp D90: Toán, KHTN, Tiếng Anh</i>		8 0			13 1	
Ngành Công nghệ Kỹ thuật máy tính	55	21	15.5	40	21	17
<i>Tổ hợp A00: Toán, Vật lí, Hóa học</i>		9			11	
<i>Tổ hợp A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh</i>		3			3	
<i>Tổ hợp D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh</i>		9			7	
<i>Tổ hợp D90: Toán, KHTN, Tiếng Anh</i>		0			0	
Khối ngành VI						
Khối ngành VII						
<b>Tổng</b>	<b>350</b>	<b>285</b>		<b>350</b>	<b>279</b>	

## II. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

### 1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn có diện tích 21,5 ha. Cơ sở vật chất của Trường đã được đầu tư đồng bộ, bài bản với khoảng 1.000 tỷ đồng, gồm nhiều khu giảng đường, các khu hiệu bộ, ký túc xá, hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phòng nghiên cứu và thí nghiệm hiện đại.

#### 1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

##### - Tổng diện tích đất của trường

Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt Hàn - Đại học Đà Nẵng có nguồn lực cơ sở vật chất rất khang trang, hiện đại tại Đô thị Đại học Đà Nẵng, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng với diện tích đất sử dụng khoảng 21,5 ha.

##### - Số chỗ ở ký túc xá sinh viên

Khu Ký túc xá sinh viên gồm 4 khối 5 tầng, phục vụ nội trú cho hơn 4.000 sinh viên, với các phòng ở đầy đủ tiện nghi, có công trình phụ khép kín trong mỗi phòng sinh hoạt riêng và căng-tin phục vụ sinh viên hiện đại. Tại các khu ký túc xá đều có bố trí các phòng tự học, phòng máy tính, câu lạc bộ, phòng tập, sân tập thể dục thể thao, nhà ăn, quầy giải khát... đáp ứng nhu cầu tự học, sinh hoạt, ăn uống và giải trí của sinh viên.

##### - Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường

Khu Giảng đường với gần 100 phòng học, hội trường trên 300 chỗ ngồi và 50 phòng thực hành, thí nghiệm với 2.200 máy tính nối mạng đáp ứng nhu cầu học tập cho sinh viên ở các lĩnh vực Mạng máy tính chuyên sâu, Hệ thống thông tin, Điện toán đám mây, Vi xử lý - vi điều khiển, Xử lý tín hiệu, Đồ họa máy tính, Cấu trúc máy tính,

Lập trình hệ thống, Lập trình trên thiết bị và điện thoại di động, Mô hình quản trị kinh doanh và kế toán ảo...

Tất cả các phòng học đều được trang bị đầy đủ bảng viết di động và cố định, máy tính, máy chiếu hỗ trợ công tác giảng dạy, nhiều thiết bị đa phương tiện (SmartClass+) phục vụ giảng dạy tiếng Anh, tiếng Nhật... và hệ thống mạng máy tính cho phép truy cập Internet tốc độ cao. Có hệ thống phòng tự học hiện đại, trang bị cơ sở vật chất tiện nghi phục vụ cho sinh viên tự học và nghiên cứu.

Hệ thống thư viện và Trung tâm học liệu hiện đại với 03 phòng đọc có sức chứa hơn 300 người. Tài liệu thư viện cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ cho các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu khoa học với hơn 35.000 đầu sách; máy tính và wifi luôn sẵn sàng cho các yêu cầu truy cập Internet của sinh viên, cán bộ, giảng viên. Hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử được liên kết với các trường đại học trong và ngoài nước.

Hệ thống mạng nội bộ kết nối liên thông đến các khu vực giảng đường và nhà làm việc bằng cáp quang và hệ thống wifi trong toàn khu vực, kết nối hệ thống máy chủ với đường truyền Internet tốc độ 40 Mbps; và nhiều tài nguyên mạng lưu trữ phục vụ cho việc giảng dạy và học tập của giảng viên, sinh viên.

<b>TT</b>	<b>Loại phòng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Diện tích sàn xây dựng (m<sup>2</sup>)</b>
1	<i>Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu</i>		
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	02	655
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	07	1.360
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	95	9.714
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	04	240
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0
2	Thư viện, trung tâm học liệu	02	2.756
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	53	9.120

Với tổng diện tích sàn xây dựng là 23 845m<sup>2</sup> và quy mô 1054 sinh viên đang đào tạo, diện tích sàn xây dựng trung bình trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của Trường tính trên một sinh viên chính quy: 23,84 m<sup>2</sup>/sinh viên.

### ***1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị***

<b>TT</b>	<b>Tên</b>	<b>Danh mục trang thiết bị chính</b>	<b>Số lượng</b>
1	Phòng Thực hành Tin học	Máy tính, Máy chiếu, Ổn áp, Bàn, Ghế, Camera	22

<b>TT</b>	<b>Tên</b>	<b>Danh mục trang thiết bị chính</b>	<b>Số lượng</b>
2	Phòng Thực hành Phần cứng máy tính	Máy tính, Máy chiếu, Các thiết bị phần cứng, Ổn áp, Bàn, Ghế, Camera	3
3	Phòng Thực hành Thương mại điện tử	Máy tính, Máy chiếu, Ổn áp, Bàn, Ghế, Camera	3
4	Phòng Thí nghiệm Mạng và Truyền thông	Máy tính, Router, Switch, Ổn áp, Bàn, Ghế, Camera	4
5	Phòng Thí nghiệm điện tử, điều khiển tự động	Máy tính, Các vi mạch điện tử, Thiết bị điện tử, Ổn áp, Bàn, Ghế, Camera	6
6	Phòng Thí nghiệm Đa phương tiện	Máy tính, Các thiết bị đa phương tiện, Ổn áp, Bàn, Ghế, Camera	10
7	Phòng vẽ đồ họa, vẽ kiến trúc	Các thiết bị, máy móc phục vụ vẽ, thiết kế	2

**1.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo..., sách, tạp chí, kể cả ebook, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện**

<b>TT</b>	<b>Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành</b>	<b>Số lượng</b>
1	Khối ngành/Nhóm ngành I	20
2	Khối ngành II	30
3	Khối ngành III	1.500
4	Khối ngành IV	50
5	Khối ngành V	3.400
6	Khối ngành VI	40
7	Khối ngành VII	100

**1.4. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học**

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
							Đại học	
							Mã ngành	Tên ngành
1	Huỳnh Công Pháp	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		7480201	Công nghệ thông tin
2	Nguyễn Thanh Bình	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		7480201	Công nghệ thông tin
3	Cao Xuân Tuấn	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		7480201	Công nghệ thông tin
4	Đặng Quang Hiến	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		7480201	Công nghệ thông tin
5	Hồ Phan Hiếu	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		7480201	Công nghệ thông tin
6	Hồ Văn Phi	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		7480201	Công nghệ thông tin
7	Lê Phước Cửu Long	Nam		Tiến sĩ	Hệ thống thông tin quản lý		7480201	Công nghệ thông tin
8	Lê Tân	Nam		Tiến sĩ	Tin học		7480201	Công nghệ thông tin
9	Lê Thị Minh Đức	Nữ		Tiến sĩ	Hệ thống thông tin quản lý		7480201	Công nghệ thông tin
10	Lê Thị Mỹ Hạnh	Nữ		Tiến sĩ	Cảng và Hệ thống hậu cần		7480201	Công nghệ thông tin
11	Lê Văn Minh	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		7480201	Công nghệ thông tin
12	Nguyễn Hà Huy Cường	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		7480201	Công nghệ thông tin

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
							Đại học	
							Mã ngành	Tên ngành
13	Nguyễn Hoàng Hải	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		7480201	Công nghệ thông tin
14	Nguyễn Quang Vũ	Nam		Tiến sĩ	Khoa học máy tính		7480201	Công nghệ thông tin
15	Nguyễn Thanh	Nam		Tiến sĩ	Khoa học máy tính		7480201	Công nghệ thông tin
16	Bùi Trần Huân	Nam		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý		7480201	Công nghệ thông tin
17	Nguyễn Trọng Công Thành	Nam		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng		7480201	Công nghệ thông tin
18	Nguyễn Văn Bình	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		7480201	Công nghệ thông tin
19	Nguyễn Vũ	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		7480201	Công nghệ thông tin
20	Trần Thị Hạ Quyên	Nữ		Thạc sĩ	Kiến trúc		7480201	Công nghệ thông tin
21	Trần Thị Thúy Ngọc	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng		7480201	Công nghệ thông tin
22	Hoàng Hữu Đức	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật máy tính		7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính
23	Phan Đăng Thiếu Hiệp	Nam		Thạc sĩ	Nghệ thuật thị giác		7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính
24	Phan Thị Quỳnh Hương	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính



TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
							Đại học	
							Mã ngành	Tên ngành
25	Trần Đình Sơn	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính
26	Trần Thị Trà Vinh	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử viễn thông		7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính
27	Trần Thu Thủy	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính
28	Trần Uyên Trang	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính
29	Trần Văn Đại	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính
30	Trịnh Thị Ngọc Linh	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính
31	Võ Hùng Cường	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính
32	Nguyễn Thanh Hoài	Nữ		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
33	Nguyễn Thị Kiều Trang	Nữ		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
34	Đặng Thị Thanh Minh	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
35	Đào Thị Thu Hường	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
							Đại học	
							Mã ngành	Tên ngành
36	Đinh Nguyễn Khánh Phương	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
37	Dương Thị Thu Trang	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
38	Huỳnh Bá Thúy Diệu	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
39	Huỳnh Thị Kim Hà	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán tài chính		7340101	Quản trị kinh doanh
40	Lê Hà Như Thảo	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
41	Ngô Thị Hiền Trang	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
42	Nguyễn Lê Lộc Tiên	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
43	Nguyễn Linh Giang	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
44	Nguyễn Thị Khánh Hà	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
45	Nguyễn Thị Khánh My	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
46	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán		7340101	Quản trị kinh doanh
47	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
48	Dương Thị Phượng	Nữ		Tiến sĩ	Triết học	x		

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
							Đại học	
							Mã ngành	Tên ngành
49	Huỳnh Nguyễn Ngọc Linh	Nữ		Đại học	Sư phạm tiếng Anh	x		
50	Huỳnh Thị Ti Na	Nữ		Thạc sĩ	Phúc lợi xã hội học	x		
51	Lê Thị Kim Tuyền	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	x		
52	Lương Xuân Thành	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	x		
53	Nguyễn Hà Phương	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	x		
54	Nguyễn Ngọc Huy	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	x		
55	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	x		
56	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ		Thạc sĩ	Luật học	x		
57	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	x		
58	Phạm Trần Mộc Miêng	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	x		
59	Trần Thị Thùy Liên	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	x		

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
							Đại học	
							Mã ngành	Tên ngành
60	Võ Thị Thanh Nga	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	x		

**1.5. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học**

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh		Tên doanh nghiệp (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)
							Đại học		
							Mã ngành	Tên ngành	

### III. CÁC THÔNG TIN CỦA NĂM TUYỂN SINH

#### 1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học

##### 1.1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh dự thi THPT năm 2020 và tốt nghiệp THPT năm 2020;
- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2020: dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 và có môn thi/bài thi phù hợp với tổ hợp xét tuyển;
- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2020.

##### 1.2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển thí sinh trong cả nước.

##### 1.3. Phương thức tuyển sinh

Tất cả các ngành đều xét tuyển theo 4 phương thức:

###### 1.3.1. Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020

Điểm xét tuyển của thí sinh:

*Điểm xét tuyển = Tổng điểm 3 môn dùng để xét tuyển + điểm ưu tiên*

Trong đó *điểm môn dùng để xét tuyển* là điểm thi tốt nghiệp THPT.

###### 1.3.2. Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT theo tổ hợp môn xét tuyển

Điểm xét tuyển của thí sinh:

*Điểm xét tuyển = Tổng điểm 3 môn dùng để xét tuyển + điểm ưu tiên*

Trong đó *điểm môn dùng để xét tuyển = Trung bình cộng điểm môn học lớp 10, lớp 11 và học kỳ I lớp 12.*

###### 1.3.3. Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2020

Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2020 do Đại học Đà Nẵng phối hợp với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐGNL ĐHQG TP.HCM) tổ chức.

###### 1.3.4. Phương thức 4: Xét tuyển theo phương thức tuyển sinh riêng của Trường

**Nguyên tắc xét tuyển:** Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển vào nhiều ngành khác nhau, theo thứ tự ưu tiên. Xét tuyển vào ngành đứng trước, sau đó xét tuyển vào ngành gần. Việc xét tuyển theo thứ tự giải từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu và ưu tiên từ nguyện vọng 1 cho đến hết. Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

**Điều kiện chung:** Thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT), đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQĐ quy định, không có môn thi THPT nào từ 1,0 điểm trở xuống.

**Ngành xét tuyển:** Xét tuyển vào tất cả các ngành của Trường.

**Chỉ tiêu xét tuyển mỗi ngành:** bằng 5% chỉ tiêu chung của từng ngành.

*(1) Xét tuyển đối với thí sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc đạt giải trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*

**Điều kiện xét tuyển:** Thí sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba) học sinh giỏi các môn văn hóa hoặc trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Các giải thí sinh đạt được trong thời gian học THPT.

**Chính sách hỗ trợ học tập:** hỗ trợ (bằng hình thức cấp học bổng, khen thưởng...) bằng mức 100% học phí 02 học kỳ đầu của khóa học.

Danh mục các môn thi xem Mục 1.6.

*(2) Xét tuyển đối với học sinh học trường THPT chuyên các môn Toán, Vật Lý, Hóa học, Tin học đạt được một trong các điều kiện sau:*

- Thí sinh có điểm trung bình các môn học năm học lớp 10 và lớp 11 theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 8,00 trở lên. Thí sinh trúng tuyển theo điều kiện này được hỗ trợ (bằng hình thức cấp học bổng, khen thưởng...) bằng mức 75% học phí 02 học kỳ đầu của khóa học.

- Thí sinh có điểm trung bình năm học lớp 10 và lớp 11 của môn chuyên đạt từ 8,00 trở lên, điểm trung bình môn không chuyên thuộc tổ hợp xét tuyển đạt từ 5,00 trở lên. Thí sinh trúng tuyển theo điều kiện này được hỗ trợ (bằng hình thức cấp học bổng, khen thưởng...) bằng mức 50% học phí 02 học kỳ đầu của khóa học.

*(3) Xét tuyển đối với thí sinh đạt học lực giỏi (hai năm liên tục) trong thời gian học THPT*

**Điều kiện xét tuyển:** Thí sinh đạt thành tích học sinh giỏi hai năm liền (lớp 10 và lớp 11) trong thời gian học THPT.

**Chính sách hỗ trợ học tập:** hỗ trợ (bằng hình thức cấp học bổng, khen thưởng...) bằng mức 50% học phí 02 học kỳ đầu của khóa học.

*(4) Xét tuyển đối với thí sinh có điểm trung bình cộng môn học lớp 10 và lớp 11 theo tổ hợp xét tuyển đạt loại giỏi; hoặc tổng điểm trung bình môn học lớp 10 và lớp 11 theo tổ hợp xét tuyển từ 24 điểm trở lên*

**Điều kiện xét tuyển:** Thí sinh có điểm trung bình môn học lớp 10 và lớp 11 theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 8 điểm trở lên; hoặc tổng điểm trung bình môn học lớp 10 và lớp 11 theo tổ hợp xét tuyển từ 24 điểm trở lên.

**Chính sách hỗ trợ học tập:** hỗ trợ (bằng hình thức cấp học bổng, khen thưởng...) bằng mức 50% học phí 02 học kỳ đầu của khóa học.

#### **1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh**

*a) Danh mục ngành được phép đào tạo*

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Công nghệ thông tin	7480201	1081/QĐ-ĐHĐN	31/03/2017	Đại học Đà Nẵng	2017	2019
2	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	1081/QĐ-ĐHĐN	31/03/2017	Đại học Đà Nẵng	2017	2019
3	Quản trị kinh doanh	7340101	1081/QĐ-ĐHĐN	31/03/2017	Đại học Đà Nẵng	2017	2019

*b) Chỉ tiêu tuyển sinh*

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu				Tổ hợp môn xét tuyển	Điểm chuẩn giữa các tổ hợp
			Theo KQ thi THPT	Theo kết quả học tập THPT	Theo kết quả ĐGNL ĐHQG TP.HCM	Theo phương thức của Trường		
1	Công nghệ thông tin (Kỹ sư)	7480201	320	400	40	40	Tất cả các ngành đều sử dụng chung tổ hợp môn xét tuyển, cụ thể như sau: + Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT: <b>A00:</b> Toán, Vật lí, Hóa học <b>A01:</b> Toán, Vật lí, Tiếng Anh <b>D01:</b> Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh <b>D90:</b> Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh + Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT: <b>A00:</b> Toán, Vật lí, Hóa học <b>A01:</b> Toán, Vật lí,	Bằng nhau
2	Công nghệ kỹ thuật máy tính (Kỹ sư)	7480108	48	60	6	6		
3	Quản trị kinh doanh (Cử nhân)	7340101	112	140	14	14		

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu				Tổ hợp môn xét tuyển	Điểm chuẩn giữa các tổ hợp
			Theo KQ thi THPT	Theo kết quả học tập THPT	Theo kết quả ĐGNL ĐHQG TP.HCM	Theo phương thức của Trường		
							<i>Tiếng Anh</i> <i>D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh</i> <i>D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh</i>	

### 1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

*Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 và kết quả học tập THPT:* Thí sinh dự tuyển phải có điểm xét tuyển không nhỏ hơn 15,0 điểm.

*Xét tuyển dựa vào kết quả ĐGNL ĐHQG TP.HCM:* Thí sinh dự tuyển phải có điểm bài thi đánh giá năng lực từ 600 điểm trở lên.

*Xét tuyển theo phương thức tuyển sinh riêng của Trường:* Theo quy định tại mục 1.3.4.

### 1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường

- Mã tuyển sinh: VKU

- Thông tin đăng ký xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020:

TT	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Điểm chuẩn giữa các tổ hợp
1	Quản trị kinh doanh	7340101	112	1. Toán + Vật lý + Hóa học	1. A00 2. A01 3. D01 4. D90	Không	Không
2	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	48	2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh			
3	Công nghệ thông tin	7480201	320	3. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh 4. Toán + Khoa học tự nhiên + Tiếng Anh			

- Thông tin đăng ký xét tuyển theo kết quả học tập THPT (xét tuyển theo học bạ):



TT	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm
1	Quản trị kinh doanh	7340101	140	1. Toán + Vật lý + Hóa học	Ưu tiên: Toán
2	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	60	2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh	
3	Công nghệ thông tin	7480201	400	3. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh 4. Toán + Hóa học + Tiếng Anh	

- Thông tin đăng ký xét tuyển theo kết quả ĐGNL ĐHQG TP.HCM:

TT	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Ngưỡng ĐBCL đầu vào
1	Quản trị kinh doanh	7340101	14	Không	Có điểm bài thi đánh giá năng lực từ 600 điểm trở lên
2	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	6		
4	Công nghệ thông tin	7480201	40		

- Thông tin đăng ký xét tuyển theo phương thức tuyển sinh riêng của Trường:

TT	Tên ngành / chuyên ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp môn	Đối tượng xét tuyển /Nguyên tắc xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm
1	Quản trị kinh doanh	7340101	14	1. Toán + Vật lý + Hóa học	<b>I. Đối tượng xét tuyển:</b> <b>1. Đối tượng 1:</b> Xét tuyển thí sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba) học sinh giỏi các môn văn hóa hoặc trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh hoặc thành phố	<b>Chú ý với đối tượng 1:</b> + Ngành Công nghệ Thông tin và Công nghệ kỹ thuật máy tính: Đối với các thí sinh cùng giải thì
2	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	6	2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh		
4	Công nghệ thông tin	7480201	40	4. Toán + Hóa học + Tiếng Anh		

TT	Tên ngành / chuyên ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp môn	Đối tượng xét tuyển /Nguyên tắc xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm
					<p>trực thuộc trung ương. Xét giải thí sinh đạt được trong các năm: 2018, 2019, 2020.</p> <p>Các môn thi học sinh giỏi tương ứng với các ngành được quy định như sau:</p> <p>+ Ngành Công nghệ Thông tin và Công nghệ kỹ thuật máy tính, các môn thi học sinh giỏi được xét gồm: Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh.</p> <p>+ Ngành Quản trị kinh doanh, các môn thi học sinh giỏi được xét gồm: Tiếng Anh, Ngữ Văn, Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học.</p> <p>Các lĩnh vực thi khoa học kỹ thuật tương ứng với các ngành được quy định như sau:</p> <p>+ Ngành Công nghệ Thông tin và Công nghệ kỹ thuật máy tính, các lĩnh vực thi khoa học kỹ thuật được xét gồm: Hệ thống nhúng, Toán học, Rô bốt và máy tính thông minh, Phần mềm hệ thống.</p>	<p>xét môn đạt giải theo thứ tự ưu tiên: Tin học, Toán, Vật lý, Tiếng Anh, Hóa học.</p> <p>+ Ngành Quản trị kinh doanh: Đối với các thí sinh cùng giải thì xét môn đạt giải theo thứ tự ưu tiên: Toán, Vật lý, Tin học, Tiếng Anh, Ngữ Văn, Hóa học, Sinh học</p>

TT	Tên ngành / chuyên ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp môn	Đối tượng xét tuyển /Nguyên tắc xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm
					<p>+ Ngành Quản trị kinh doanh, lĩnh vực thi khoa học kỹ thuật được xét là: Toán học.</p> <p><b>2. Đối tượng 2:</b> Xét tuyển thí sinh đạt thành tích học sinh giỏi hai năm liền (lớp 10 và lớp 11) trong thời gian học THPT 2018, 2019, 2020</p> <p><b>3. Đối tượng 3:</b> Xét tuyển đối với thí sinh có điểm trung bình (lớp 10 và lớp 11) theo tổ hợp xét tuyển đạt loại giỏi hoặc tổng điểm trung bình 3 môn (lớp 10 và lớp 11) theo tổ hợp từ 24 điểm trở lên.</p> <p><b>4. Đối tượng 4:</b> Xét tuyển đối với học sinh học trường THPT chuyên các môn Toán, Vật Lý, Hoá học, Tin học và có điểm trung bình năm học lớp 10 và lớp 11 của môn chuyên đạt từ 8,00 trở lên, điểm trung bình môn không chuyên thuộc tổ hợp xét tuyển đạt từ 5,00 trở lên.</p>	

TT	Tên ngành / chuyên ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp môn	Đối tượng xét tuyển /Nguyên tắc xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm
					<p><b>II. Nguyên tắc xét tuyển:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT, đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHDN quy định, không có môn thi THPT nào từ 1,0 điểm trở xuống.</li> <li>- Xét tuyển vào ngành đúng, ngành phù hợp trước, sau đó xét tuyển vào ngành gần. Thí sinh được đăng ký nhiều ngành khác nhau và theo thứ tự ưu tiên, mỗi thí sinh trúng tuyển 1 nguyện vọng sẽ không được xét tuyển các nguyện vọng tiếp theo.</li> <li>- Xét theo thứ tự giải từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu và ưu tiên từ nguyện vọng 1 cho đến hết. Trường hợp có nhiều thí sinh đồng hạng vượt quá chỉ tiêu tuyển thẳng sẽ xét đến tiêu chí phụ.</li> </ul>	

**Danh mục các môn thi học sinh giỏi tương ứng với các ngành xét tuyển:**

TT	Môn thi học sinh giỏi	Được xét tuyển	
		Ngành đào tạo	Mã ngành
1	Tin học, Toán, Vật lý, Tiếng Anh, Hóa học.	Công nghệ thông tin	7480201
		Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108
2	Toán, Vật lý, Tin học, Tiếng Anh, Ngữ Văn, Hóa học, Sinh học	Quản trị kinh doanh	7340101

**Danh mục các lĩnh vực trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật tương ứng với ngành xét tuyển:**

TT	Lĩnh vực thi khoa học, kỹ thuật	Được xét tuyển	
		Ngành đào tạo	Mã ngành
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống nhúng</li> <li>- Toán học</li> <li>- Rô bốt và máy tính thông minh</li> <li>- Phần mềm hệ thống</li> </ul>	Công nghệ thông tin	7480201
		Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108
2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán học</li> </ul>	Quản trị kinh doanh	7340101

**1.7. Tổ chức tuyển sinh**

- Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT, xét tuyển thẳng: Theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với phương thức xét tuyển theo kết quả ĐGNL ĐHQG TP.HCM, theo phương thức dựa trên kết quả học tập THPT (học bạ), theo phương thức tuyển sinh riêng của Trường:

**a) Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT**

- Đợt 1: từ ngày 15/6 đến 17 giờ ngày 31/7/2020

- Các đợt bổ sung: Thông báo trên trang tuyển sinh của Đại học Đà Nẵng (<http://ts.udn.vn>) và của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn (<http://tuyensinh.vku.udn.vn>).

### **b) Cách thức đăng ký**

+ Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả ĐGNL ĐHQG TP.HCM, theo phương thức dựa trên kết quả học tập THPT, thí sinh chọn 1 trong 2 cách sau:

- Đăng ký trực tuyến tại trang web <http://ts.udn.vn> → In đơn → Ký tên → Nộp đơn đăng ký và nộp lệ phí
- Tải mẫu đơn tại trang web <http://ts.udn.vn> → Điền thông tin + Dán ảnh → Ký tên → Nộp đơn đăng ký và nộp lệ phí

+ Đối với phương thức tuyển sinh riêng của Trường, thí sinh đăng ký bằng cách:

- Tải mẫu đơn tại trang web <http://tuyensinh.vku.udn.vn> → Điền thông tin + Dán ảnh → Ký tên → Nộp đơn đăng ký và nộp lệ phí

### **c) Địa điểm nhận hồ sơ ĐKXT**

- Nộp trực tiếp:
  - Phòng A110, Đại học Đà Nẵng, 41 Lê Duẩn, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
  - Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn, Đại học Đà Nẵng, số 470 đường Trần Đại Nghĩa, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
- Nộp qua đường bưu điện:
  - Đại học Đà Nẵng, 41 Lê Duẩn, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
  - Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, số 470 đường Trần Đại Nghĩa, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

## **1.8. Chính sách ưu tiên**

### **Nguyên tắc chung:**

Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn tổ chức xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và thực hiện các chính sách ưu tiên khác theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thông tư 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và theo Quy định chung của ĐHQG.

*Nguyên tắc xét tuyển:* Thí sinh có thể đăng ký tuyển thẳng vào nhiều ngành khác nhau, theo thứ tự ưu tiên. Xét tuyển vào ngành đứng trước, sau đó xét tuyển vào ngành gần. Việc xét tuyển theo thứ tự giải từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu và ưu tiên từ nguyện vọng 1 cho đến hết. Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký. Tổng chỉ tiêu xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển nằm trong chỉ tiêu chung của từng ngành.

*Điều kiện chung:* Thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT), đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHĐN quy định, không có môn thi THPT nào từ 1,0 điểm trở xuống.

*Ngành xét tuyển:* Xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành của Trường.

**Chính sách hỗ trợ học tập đối với thí sinh trúng tuyển vào Trường theo hình thức xét tuyển thẳng:** xét hỗ trợ (bằng hình thức cấp học bổng, khen thưởng...) bằng mức 100% học phí 02 học kỳ đầu của khóa học đối với các thí sinh tuyển thẳng theo quy định tại khoản a, khoản b, khoản c Mục 1.8.1.

*Thời gian nhận hồ sơ:* Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### 1.8.1. Xét tuyển thẳng

a. Xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành đối với thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, đội tuyển quốc gia dự cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc tế, đã tốt nghiệp THPT. Xét giải quốc tế các năm: 2018, 2019, 2020.

b. Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt (Nhất, Nhì, Ba) giải học sinh giỏi các môn văn hóa cấp Quốc gia. Xét giải HSG QG thuộc các năm: 2018, 2019, 2020.

#### Các môn thi học sinh giỏi tương ứng với các ngành xét tuyển thẳng:

TT	Môn thi học sinh giỏi	Được xét tuyển thẳng	
		Ngành đào tạo	Mã ngành
1	Tin học, Toán, Vật lý, Tiếng Anh, Hóa học.	Công nghệ thông tin	7480201
		Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108
2	Toán, Vật lý, Tin học, Tiếng Anh, Ngữ Văn, Hóa học, Sinh học	Quản trị kinh doanh	7340101

c. Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba) trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, xét giải thuộc các năm: 2018, 2019, 2020. Các giải thí sinh đạt được trong thời gian học THPT.

#### Các lĩnh vực trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia tương ứng với ngành xét tuyển thẳng:

TT	Lĩnh vực thi khoa học, kỹ thuật	Được xét tuyển thẳng	
		Ngành đào tạo	Mã ngành
1	- Hệ thống nhúng - Toán học - Rô bốt và máy tính thông minh - Phần mềm hệ thống	Công nghệ thông tin	7480201
		Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108
2	- Toán học	Quản trị kinh doanh	7340101

d. Thí sinh thuộc các đối tượng còn lại Hội đồng tuyển sinh ĐHĐN sẽ xem xét, quyết định xét tuyển vào học ngành đăng ký xét tuyển căn cứ trên hồ sơ cụ thể của thí sinh, bao gồm:

+ Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp THPT.

+ Người đã trúng tuyển vào Trường, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại trường trước đây đã trúng tuyển.

+ Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07 tháng 03 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018-2020; thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ. Các thí sinh tốt nghiệp THPT loại khá trở lên được xét tuyển thẳng vào Trường. Nếu số thí sinh đăng ký vượt quá chỉ tiêu thì ĐHĐN sẽ căn cứ vào kết quả học tập bậc THPT để xét từ trên xuống đến khi đủ chỉ tiêu, những thí sinh còn lại nếu có nguyện vọng thì được xét về học tại Phân hiệu ĐHĐN tại Kon Tum. Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Giám đốc ĐHĐN quy định.

+ Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định;

+ Thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại Trường: Hội đồng tuyển sinh ĐHĐN căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt quy định tại Điều 6 Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018.

#### 1.8.2. Ưu tiên xét tuyển:

Thí sinh thuộc đối tượng quy định tại Mục 1.8.1 của Đề án này nếu không dùng quyền xét tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển. Thí sinh được cộng thêm điểm vào tổng điểm xét tuyển của tổ hợp phù hợp với ngành ĐKXT. Thang điểm xét tuyển là 30, trong trường hợp thang điểm khác sẽ quy đổi phù hợp về thang 30.



a. Thí sinh tốt nghiệp THPT, đáp ứng tiêu chí ĐBCLĐV do Bộ GD&ĐT quy định, đoạt giải Nhất, Nhì, Ba kỳ thi chọn HSGQG và cuộc thi KHKT cấp quốc gia thuộc các năm: 2018, 2019, 2020 nếu không sử dụng quyền xét tuyển thẳng, khi đăng ký ưu tiên xét tuyển sẽ được cộng thêm điểm vào tổng điểm xét tuyển của tổ hợp phù hợp với ngành ĐKXT: giải Nhất được cộng 2 điểm; giải Nhì được cộng 1,5 điểm; giải Ba được cộng 1,0 điểm; giải Khuyến khích được cộng 0,5 điểm.

b. Thí sinh đoạt huy chương vàng các giải vô địch hạng nhất quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Ủy ban TDTT có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia đã tham dự kỳ thi THPT quốc gia thuộc các năm: 2018, 2019, 2020, không có môn nào có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống được ưu tiên xét tuyển vào ngành Giáo dục thể chất. Các thí sinh được cộng thêm 2 điểm vào tổng điểm xét tuyển của tổ hợp phù hợp với ngành ĐKXT.

c. Thí sinh đoạt một trong các giải Nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế thuộc các năm: 2018, 2019, 2020, nếu có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định. Các thí sinh được cộng thêm điểm vào tổng điểm xét tuyển của tổ hợp xét tuyển ngành phù hợp với nghề đã đoạt giải: giải nhất được cộng 1,5 điểm; giải nhì được cộng 1,0 điểm; giải ba được cộng 0,5 điểm.

**Các môn thi học sinh giỏi trở lên tương ứng với các ngành ưu tiên xét tuyển:**

TT	Môn thi học sinh giỏi	Được cộng điểm ưu tiên xét tuyển	
		Ngành đào tạo	Mã ngành
1	1. Toán học 2. Vật lý 3. Hóa học 4. Sinh học	Công nghệ thông tin	7480201
	5. Tin học 6. Ngữ văn	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108
	7. Lịch sử 8. Địa lý 9. Tiếng Anh	Quản trị kinh doanh	7340101

**Các lĩnh vực trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia trở lên tương ứng với ngành ưu tiên xét tuyển:**

TT	Lĩnh vực thi khoa học, kỹ thuật	Được cộng điểm ưu tiên xét tuyển	
		Ngành đào tạo	Mã ngành
1	- Hệ thống nhúng	Công nghệ thông tin	7480201

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán học</li> <li>- Robot và máy tính thông minh</li> <li>- Phần mềm hệ thống</li> </ul>	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108
	Quản trị kinh doanh	7340101

### 1.9. Lệ phí xét tuyển

Theo quy định chung của Đại học Đà Nẵng, cụ thể:

- Phí xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT, xét tuyển thẳng: thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phí xét tuyển theo kết quả học bạ THPT: 45 000 đồng/nguyên vọng.

- Phí xét tuyển theo phương thức tuyển sinh riêng của Trường: 45.000 đồng/hồ sơ.

- Miễn phí đối với hồ sơ xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG TpHCM tổ chức.

### 1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy

Mức học phí theo quy định hiện hành của Chính phủ (Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015), dự kiến trung bình học phí (đồng/năm/sinh viên) như sau:

Năm học	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Ngành Quản trị kinh doanh	9.800.000	10.800.000	11.900.000
Ngành Công nghệ thông tin Ngành Công nghệ kỹ thuật máy tính	11.700.000	12.900.000	14.200.000

#### Ghi chú:

- Mức thu phí từ năm học 2021-2020 trở về sau có thể thay đổi tùy theo các quy định mới của Nhà nước
- Mỗi năm học có 2 học kỳ chính (Học kỳ 1, Học kỳ 2), mỗi học kỳ có 5 tháng.
- Học kỳ hè không bắt buộc sinh viên phải học. Sinh viên học trong học kỳ hè sẽ nộp học phí theo quy định đối với học kỳ hè.
- Học phí sinh viên nộp trong mỗi học kỳ phụ thuộc tổng số tín chỉ sinh viên đăng ký học trong học kỳ.

### 1.11. Các nội dung khác

**Chính sách ưu đãi cho thí sinh có điểm xét tuyển sinh cao:** Được miễn 100% học phí ở học kỳ đầu tiên, được miễn phí ở Ký túc xá và được ưu tiên nhận học bổng từ các doanh nghiệp.

**Chính sách học bổng khuyến khích học tập, chính sách miễn giảm học phí:** Thực hiện theo quy định của Nhà nước.

**Chính sách hỗ trợ sinh viên thuộc gia đình nghèo, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt và vượt khó học tập:**

- Sinh viên được ưu tiên xét nhận học bổng do các cá nhân /tổ chức tài trợ.
- Sinh viên được ưu tiên sắp xếp chỗ ở trong Ký túc xá.

**1.12. Thông tin triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/Công nghệ thông tin trình độ đại học**

Năm 2020, Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn – Đại học Đà Nẵng không áp dụng tuyển sinh theo cơ chế đào tạo ưu tiên.

**1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)**

Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn – Đại học Đà Nẵng là đơn vị thành lập theo Quyết định số 15/QĐ-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ chính vì vậy chưa có khóa tốt nghiệp.

**1.14. Tài chính**

Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường (năm 2019): 8.275.722.525 đồng

Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh (năm 2019) từ các đơn vị hợp thành: 11.550.000 đồng.

**2. Tuyển sinh các hệ đào tạo khác: Không có.**

Ngày tháng năm 2020

Người lập

**Q. HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Huỳnh Ngọc Thọ**

**PGS.TS. Huỳnh Công Pháp**

Điện thoại: 0982191459

Email: hntho@vku.udn.vn